

Bản án số: 05/2018/HNGĐ - ST.

Ngày: 20 - 3 - 2018.

V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Cẩm Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Quyết Chiến.

2. Ông Bùi Hồng Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hoàng Bảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Lê Hồng Như - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 260/2017/TLST - HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2018/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị H; sinh năm: 1971; địa chỉ: ấp A, xã K, huyện P, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Diệp Quốc T; sinh năm: 1972; địa chỉ: ấp A, xã K, huyện P, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện lập ngày 14/12/2017 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị H trình bày: Bà Lê Thị H và ông Diệp Quốc T tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 1993, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương nhưng đến năm 2005 mới đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 77/2005, quyển số: I ngày 20/6/2005. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian dài, đến tháng 3/2017 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng ý kiến trong cuộc sống từ đó thường xuyên cãi vã qua lại, nên cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, bà H và ông T sống ly thân từ tháng 5/2017 cho đến nay, sau khi sống ly thân thì bà H và ông T có gặp nhau nhưng không thể hàn gắn tình cảm. Trong thời gian chung sống, bà H và ông T có 02 người con chung là Diệp

Lê Quốc T, sinh ngày 21/5/1994 và Diệp Thịnh V, sinh ngày 08/6/2005 hiện nay cháu T đã thành niên còn cháu V sống chung với bà H; về tài sản chung bà H và ông T có một số tài sản chung nhưng bà hóa không yêu cầu giải quyết ; về nợ chung không có.

Tại phiên tòa, bà Lê Thị H yêu cầu ly hôn với ông Diệp Quốc T; Về con chung yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Diệp Thịnh V đến khi thành niên, đối với cháu Diệp Lê Quốc T đã thành niên nên bà H hóa không yêu cầu gì; về tài sản chung bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung không có.

- Đối với bị đơn ông Diệp Quốc T: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông T, nhưng ông T không có ý kiến phản đối gì. Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông T 02 lần để tham gia tố tụng tại phiên hòa giải nhưng ông T vẫn vắng mặt nên Tòa án đã lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được. Bị đơn ông Diệp Quốc T đã được triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

- Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tham gia phiên tòa trình bày ý kiến: Việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán , Thư ký , Hội đồng xét xử và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự . Đối với bị đơn ông Diệp Quốc T chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự . Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra các chứng cứ và kết quả tranh luận tại phiên tòa xét thấy tình trạng của vợ chồng bà Lê Thị H và ông Diệp Quốc T đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận cho bà Lê Thị H được ly hôn với ông Diệp Quốc T; về con chung giao cháu Diệp Thịnh V cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, ông T không cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bị đơn ông Diệp Quốc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 3 Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, bà Lê Thị H và ông Diệp Quốc T tự nguyện kết hôn vào năm 2005 và được Ủy ban nhân dân xã K, huyện P, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 77/2005, quyển số: I ngày 20/6/2005 nên quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông T là hợp pháp, được pháp luật công nhận. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, bà H có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Xét lý do yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị H, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà H cho rằng nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn

do bất đồng ý kiến trong cuộc sống từ đó thường xuyên cãi vã qua lại, nên cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc và sau khi sống ly thân thì bà H và ông T có gặp nhau nhưng không thể hàn gắn tình cảm. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổ chức phiên hòa giải để động viên vợ chồng bà H và ông T đoàn tụ với nhau nhưng ông T vẫn vắng mặt và bà H vẫn kiên quyết ly hôn với ông T vì tình cảm vợ chồng không còn. Như vậy, tình trạng của vợ chồng bà H và ông T đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, xét việc bà H xin ly hôn với ông T là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà H được ly hôn với ông T.

[3] Về con chung: Bà Lê Thị H xác định trong thời gian chung sống, bà H và ông T có 02 người con chung là Diệp Lê Quốc T, sinh ngày 21/5/1994 và Diệp Thịnh V, sinh ngày 08/6/2005; bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu V đến khi thành niên, đối với cháu T hiện nay đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu gì. Xét thấy, từ khi bà H và ông T sống ly thân cho đến nay cháu V do bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và bà H khẳng định đủ điều kiện để chăm sóc tốt cho cháu V. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án khi ghi nhận ý kiến của cháu V thì cháu V có nguyện vọng sống chung với bà H. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu V, Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải giao cháu V cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Đối với cháu Diệp Lê Quốc T, sinh ngày 21/5/1994 hiện nay đã thành niên, bà H không yêu cầu gì nên không đặt ra xem xét.

[4] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Bà Lê Thị H khẳng định đủ điều kiện để trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Diệp Thịnh V và không yêu cầu ông Diệp Quốc T cấp dưỡng cho con chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Ngoài ra, căn cứ vào khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử dành quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung cho ông T mà không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung: Bà Lê Thị H xác định trong thời gian chung sống bà H và ông Diệp Quốc T có một số tài sản chung nhưng bà H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ chung: Bà Lê Thị H xác định trong thời gian chung sống bà H và ông Diệp Quốc T không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Ông Diệp Quốc T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 3 Điều 235, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị H và ông Diệp Quốc T được ly hôn.

Về con chung: Giao cháu Diệp Thịnh V, sinh ngày 08/6/2005 cho bà Lê Thị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên; ông Diệp Quốc T không phải cấp dưỡng cho con chung; dành quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung cho ông T mà không ai được cản trở; đối với cháu Diệp Lê Quốc T, sinh ngày 21/5/1994 hiện nay đã thành niên, bà H không yêu cầu gì nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung: Bà Lê Thị H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Bà Lê Thị H xác định không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà H đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000387 ngày 18/12/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, bà Lê Thị H đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ông Diệp Quốc T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn ông Diệp Quốc T vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Long Phú;
- UBND xã K;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Lê Thị Cẩm Nhung